

TẬP ĐOÀN CIENCO4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1907 /QĐ-TĐ

Hà Nội, ngày 30 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN CIENCO4

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ Tập đoàn CIENCO4;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Nhân sự Tập đoàn;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế công bố thông tin”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Chánh Văn phòng, Giám đốc các Ban trực thuộc Tập đoàn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- HĐQT, Đảng ủy TĐ;
- Ban Kiểm soát;
- Công đoàn, Đoàn TN TĐ;
- Lưu: VPHĐQT, Ban NS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tuấn

QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1907/QĐ-HĐQT ngày 30/4/2021 của Hội đồng quản trị Tập đoàn)

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc tổ chức thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Tập đoàn CIENCO4 với các cơ quan có thẩm quyền và công bố trên thị trường chứng khoán, trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các bộ phận và cá nhân trong Tập đoàn trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các bộ phận trực thuộc và cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Điều lệ” là điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn CIENCO4 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) “Công bố thông tin định kỳ” là việc Tập đoàn công bố thông tin vào những thời điểm xác định trong năm theo quy định pháp luật;

c) “Công bố thông tin bất thường” là việc Tập đoàn công bố thông tin trong một thời hạn được xác định sau khi xảy ra các sự kiện bất thường;

d) “Công bố thông tin theo yêu cầu” là việc Tập đoàn công bố thông tin khi có yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc theo yêu cầu của nơi cấp phiếu của Tập đoàn CIENCO4 được niêm yết giao dịch tập trung;

e) “Báo cáo thường niên” là báo cáo tổng thể về tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tổ chức và nhân sự, thông tin về cổ đông và Hội đồng Quản trị của Tập đoàn được lập hàng năm và công bố theo định kỳ;

- f) "UBCKNN" là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- g) "SGDCK" là Sở Giao dịch chứng khoán, nơi cổ phiếu của Tập đoàn được đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tập trung;
- h) "TTLKCK" là Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
- i) "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tập đoàn;
- j) Người nội bộ của Tập đoàn, bao gồm:
 - Thành viên Hội đồng quản trị; Kiểm soát viên;
 - Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc;
 - Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng;
 - Chánh Văn phòng, Giám đốc các Ban;
 - Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.
- k) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán.

2. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

1. Việc công bố thông tin được thực hiện đồng thời qua các phương tiện công bố sau:

a. Báo cáo thường niên, trang thông tin điện tử (website) và các ấn phẩm khác của Tập đoàn;

b. Các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, cổng thông tin điện tử và các ấn phẩm khác của UBCKNN;

c. Các phương tiện công bố thông tin của SGDCK bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, trang thông tin điện tử của SGDCK, bảng hiển thị điện tử tại SGDCK;

d. Phương tiện công bố thông tin của TTLKCK: trang thông tin điện tử của TTLKCK;

e. Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.

2. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và hình thức dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

3. Tập đoàn duy trì trang thông tin điện tử (Website) của mình. Trang thông tin điện tử có các chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó công bố Điều lệ Tập đoàn, Quy chế quản trị nội bộ, Bản cáo bạch (nếu

có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK; công khai về địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi.

4. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

5. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Tập đoàn thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

6. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

2. Tập đoàn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Tập đoàn phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Khi Tập đoàn công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

4. Việc công bố thông tin của Tập đoàn phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 6 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

5. Tập đoàn có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký Tập đoàn phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn thông tin tối thiểu là 05 năm.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

Tập đoàn thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin:

1. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật là người có thẩm quyền và trách nhiệm cao nhất trong việc xét duyệt và công bố thông tin. Tổng Giám đốc có thể ủy quyền cho người khác để công bố thông tin. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Tổng Giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì các Phó Tổng Giám đốc thay thế thực hiện công bố thông tin;

2. Tập đoàn phải thực hiện đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin cùng với bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin này cho UBCKNN và SGDCCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

Điều 5. Quyền hạn và trách nhiệm của người công bố thông tin

1. Đại diện cho Tập đoàn trong việc thực hiện công bố thông tin của Tập đoàn theo quy định của pháp luật và tại quy chế này.

2. Yêu cầu các bộ phận, cá nhân có liên quan cung cấp, báo cáo số liệu đầy đủ, đúng thời hạn;

3. Trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra nhân viên tổng hợp thông tin lập báo cáo theo đúng quy định;

4. Đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về những hoạt động liên quan đến công bố thông tin, việc sửa đổi, bổ sung quy chế này;

5. Theo dõi những công việc có liên quan, ảnh hưởng đến việc công bố thông tin của Tập đoàn;

6. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ. Liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định

kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Tập đoàn theo quy định.

Điều 6. Nhân viên tổng hợp thông tin

1. Nhân viên tổng hợp thông tin là người được Tổng Giám đốc chỉ định trực tiếp hoặc theo đề xuất của người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin.

Nhân viên tổng hợp thông tin có chức năng là đầu mối thu thập, tổng hợp các thông tin công bố từ các bộ phận có liên quan, kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin, soạn thảo văn bản công bố thông tin, chuyển cho người được ủy quyền công bố thông tin thẩm định và trình Tổng Giám đốc thông qua.

2. Trách nhiệm của nhân viên tổng hợp thông tin:

- a) Thực hiện các công việc theo khoản 1 Điều này chính xác, kịp thời;
- b) Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Giám đốc hoặc người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin trong công việc được giao.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Việc tạm hoãn công bố thông tin được phép trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh...). Người được ủy quyền công bố thông tin lập văn bản trình Tổng Giám đốc ký và gửi báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Tập đoàn có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mục 1. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỐI VỚI TẬP ĐOÀN CIENCO4

Điều 8. Các trường hợp công bố thông tin

1. Công bố thông tin định kỳ.
2. Công bố thông tin bất thường.
3. Công bố thông tin theo yêu cầu.
4. Các trường hợp khác phải công bố thông tin:
 - a. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn;
 - b. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài (nếu có);
 - c. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

d. Các công bố thông tin khác theo quy định pháp luật (nếu có).

Điều 9. Công bố thông tin định kỳ:

1. Báo cáo tài chính năm:

a. Tập đoàn phải công bố thông tin báo cáo tài chính năm (hoặc báo cáo tài chính hợp nhất nếu có) đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

b. Nội dung công bố thông tin về báo cáo tài chính năm bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán.

c. Thuyết minh báo cáo tài chính phải trình bày đầy đủ tất cả nội dung theo quy định của pháp luật về kế toán. Trường hợp trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính có chỉ dẫn đến Phụ lục, Phụ lục phải được công bố cùng thuyết minh báo cáo tài chính. Thuyết minh báo cáo tài chính phải trình bày cụ thể các nội dung về giao dịch với các bên liên quan theo quy định Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

d. Tập đoàn công bố đầy đủ nội dung thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trên trang thông tin điện tử của Tập đoàn, trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, Tập đoàn phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Tập đoàn.

2. Báo cáo tài chính bán niên:

a. Tập đoàn phải lập và công bố thông tin về báo cáo tài chính bán niên (sáu tháng đầu năm tài chính) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

b. Nội dung công bố thông tin về báo cáo tài chính bán niên tương tự Điểm b Khoản 1 Điều này.

c. Báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của Tập đoàn trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu.

3. Báo cáo tài chính quý:

a. Tập đoàn phải lập và công bố thông tin về báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

b. Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, Tập đoàn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

5. Báo cáo thường niên:

Tập đoàn phải lập và công bố báo cáo thường niên theo Phụ lục IV - Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Báo cáo thường niên phải phù hợp với Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

6. Báo cáo tình hình quản trị Tập đoàn:

Định kỳ 06 tháng và năm, Tập đoàn phải lập và công bố thông tin về báo cáo tình hình Quản trị Tập đoàn theo Phụ lục V - Thông tư 96/2020/TT-BTC. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị Tập đoàn chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

7. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông:

Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Tập đoàn phải công bố toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường (kể cả lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

8. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, báo cáo sử dụng vốn và tỷ lệ sở hữu nước ngoài (nếu có)

Tập đoàn thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, báo cáo sử dụng vốn và tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định pháp luật.

Điều 10. Công bố thông tin bất thường

1. Tập đoàn phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Tập đoàn tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán;

c) Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản);

d) Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp, giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên Tập đoàn, con dấu của Tập đoàn; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tập đoàn;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;

i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Tập đoàn với người nội bộ hoặc người có liên quan;

k) Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;

m) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành trong các trường hợp: phát hành thêm cổ phiếu, giao dịch cổ phiếu quỹ, mua lại

cổ phiếu lẻ của Tập đoàn thông qua Công ty chứng khoán và mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên (nếu có);

n) Khi Tập đoàn có sự thay đổi người nội bộ (bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm). Báo cáo theo Phụ lục III - Thông tư 96/2020/TT-BTC trong vòng 03 ngày kể từ ngày thay đổi;

o) Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Tập đoàn; kết luận của cơ quan thuế về việc Tập đoàn vi phạm pháp luật về thuế hoặc quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Tập đoàn;

p) Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của Tập đoàn có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của Tập đoàn đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét, Tập đoàn công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

q) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Tập đoàn.

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Tập đoàn phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.

Tập đoàn báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho TTLKCK, UBCKNN và SGDCK, đồng thời công bố thông tin chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Công bố vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

5. Công bố quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Tập đoàn tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn

điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của Tập đoàn tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như thay đổi kỳ kế toán; khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp; khi chia, tách, sáp nhập Tập đoàn.

Điều 11. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Tập đoàn phải công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi Tập đoàn niêm yết, đăng ký giao dịch:

a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b) Có thông tin liên quan đến Tập đoàn ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Tập đoàn về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Mục 2. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 12. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn

Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Tập đoàn; hoặc khi không còn là cổ đông lớn; hoặc khi có sự tăng giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% phải công bố thông tin và báo cáo cho Tập đoàn, UBCKNN và SGDCK theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Tập đoàn và người có liên quan của người nội bộ

1. Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, người nội bộ của Tập đoàn và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin và báo cáo cho Tập đoàn, UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của Tập đoàn, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, ...) theo Phụ lục XIII hoặc XIV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC. Thời gian thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ

được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK.

Người nội bộ của Tập đoàn và người có liên quan của các đối tượng này không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Tập đoàn trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của Tập đoàn và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Tập đoàn hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

4. Trường hợp Công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Tập đoàn, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, Công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Tập đoàn phải báo cáo Tập đoàn, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi;

5. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Tập đoàn (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi của Tập đoàn phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan;

6. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu - trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, Tập đoàn phải công bố trên website của Tập đoàn.

Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và Tập đoàn phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn khi Tập đoàn bị chào mua.

Điều 15. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

Trường hợp giao dịch cổ phiếu quỹ, Tập đoàn phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Trường hợp Tập đoàn mua lại cổ phiếu của chính Tập đoàn, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Tập đoàn phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Chương III: QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 16. Quy trình công bố thông tin

1. Bước 1: Chuẩn bị thông tin

- Vào thời điểm kết thúc quý hay kết thúc năm tài chính hoặc khi phát sinh các sự kiện phải công bố theo quy định, Người được ủy quyền công bố thông tin thông báo tới các bộ phận có liên quan về nội dung thông tin sẽ công bố và thời hạn công bố của Tập đoàn.

- Các bộ phận có liên quan phải lập báo cáo và gửi đến Nhân viên tổng hợp thông tin chậm nhất hai (2) ngày trước ngày Tập đoàn phải công bố; việc xác định thời hạn này được tính theo thời gian cụ thể của từng trường hợp công bố định kỳ, bất thường hoặc theo yêu cầu.

- Báo cáo do các bộ phận có liên quan được lập thành văn bản có ký xác nhận nội dung của phụ trách bộ phận.

- Trường hợp Nhân viên tổng hợp thông tin vắng mặt vì bất cứ lý do gì, các bộ phận có liên quan trực tiếp nộp báo cáo cho Người được ủy quyền công bố thông tin.

2. Bước 2: Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin do các bộ phận liên quan cung cấp, Nhân viên tổng hợp thông tin của Tập đoàn phải:

- Kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin;

- Chỉnh sửa hoặc soạn thảo văn bản công bố thông tin theo mẫu quy định;

- Trình người được ủy quyền công bố thông tin thẩm định các nội dung.

3. Bước 3: Phê duyệt

Sau khi thẩm định văn bản công bố thông tin, Người được ủy quyền công bố thông tin trình Tổng giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc (trong trường hợp Tổng Giám đốc vắng mặt) phê duyệt: nội dung thông tin công bố, thời gian, phương tiện; ký tên và đóng dấu văn bản công bố trước khi thực hiện công bố.

4. Bước 4: Công bố thông tin

Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành về công bố thông tin và Quy chế này.

5. Bước 5: Tiếp nhận các thông tin phản hồi:

Người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và sửa đổi, bổ sung (nếu có) các thông tin liên quan và đề xuất cho Tổng Giám đốc về việc phản hồi, phúc đáp lại các nội dung cần thiết.

6. Bước 6: Bảo quản và lưu trữ thông tin

- Các đối tượng công bố thông tin thực hiện bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.
- Các bộ phận có liên quan khi cung cấp thông tin cho Nhân viên tổng hợp thông tin phải lập hồ sơ lưu tại đơn vị mình.
- Nhân viên tổng hợp thông tin sau khi tiếp nhận các báo cáo từ các bộ phận liên quan phải lập hồ sơ cho từng sự kiện kèm theo bản sao văn bản công bố thông tin đã công bố để lưu giữ tại Tập đoàn để kiểm tra, đối chiếu trong trường hợp cần thiết.

Chương IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin

Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin của Tập đoàn bao gồm:

1. Thư ký Hội đồng quản trị: Chịu trách nhiệm chuẩn bị các thông tin liên quan đến quản trị Tập đoàn, các thông tin liên quan đến cổ đông, cổ phiếu và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ của mình.
2. Ban Tài chính: Chịu trách nhiệm chuẩn bị các thông tin liên quan đến báo cáo tài chính, báo cáo thường niên và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ của mình.
3. Thư ký Hội đồng quản trị là đầu mối tiếp nhận thông tin, thắc mắc và giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư và cơ quan chức năng khác liên quan đến các thông tin do Tập đoàn công bố.

Điều 18. Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng, ban, đơn vị trực thuộc trong việc cung cấp thông tin

1. Người được ủy quyền công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đôn đốc các phòng, ban, đơn vị cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này.
2. Giám đốc các ban chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho bộ phận đầu mối.

Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, Giám đốc các ban (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.

3. Người được ủy quyền công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc kết quả thực hiện.

Điều 19. Xử lý vi phạm

Đơn vị, cá nhân thuộc Tập đoàn có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Tập đoàn liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các ban, các đơn vị, bộ phận và cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của mình.

2. Các ban tham mưu, các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm tổ chức phổ biến cho cán bộ nhân viên trong đơn vị biết để thực hiện tốt công việc được giao.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin của Tập đoàn chưa được đề cập trong Quy chế hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của Tập đoàn.

4. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những điều khoản chưa được quy định hoặc không còn hiệu lực thì Tập đoàn sẽ thực hiện công bố thông tin trên cơ sở quy định của Điều lệ Tập đoàn và các quy định có liên quan của pháp luật.

5. Mọi sửa đổi, bổ sung quy chế này do Hội đồng quản trị Tập đoàn xem xét, quyết định./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tuấn